

PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM

TS. Trần Thị Lan* - TS. Hoàng Thị Bích Hà*

Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Với hoạt động chủ yếu là huy động vốn để cho vay và cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mình dựa trên nguyên tắc tương trợ. QTDND có địa bàn hoạt động thường ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Bài viết này tập trung khái quát lịch sử phát triển, thực trạng hoạt động, đưa ra một số đánh giá và đề xuất giải pháp phát triển hệ thống QTDND nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam.

• Từ khóa: quỹ tín dụng, tổ chức tín dụng hợp tác, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

People's credit fund is a type of cooperative credit institution which operate in banking sector. The main activities are mobilizing capital for lending and providing services for their members according to the principles of mutual assistance. These institutions are mainly located in agricultural and rural areas. This article serves to discuss the general history of development, the performance well as put forward solutions to enhance the People's credit fund's operations with the aim to improve agricultural and rural economy in Vietnam.

• Keywords: credit fund, cooperative credit institutions, people's credit fund system.

Ngày nhận bài: 10/1/2019

Ngày chuyển phân biên: 13/1/2019

Ngày nhận phân biên: 20/1/2019

Ngày chấp nhận đăng: 22/1/2019

1. Khái quát lịch sử phát triển

Ở nước ta, tiền thân của QTDND là các Hợp tác xã tín dụng được ra đời từ năm 1956. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế, năm 1993, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 390/TTg về việc phê duyệt “Đề án thí điểm thành lập QTDND”. Tuy nhiên, với mô hình tổ chức và hoạt động còn mới mẻ đã nảy sinh nhiều bất cập, hạn chế nên Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 57-CT/TW ngày

10/10/2000 của Bộ Chính trị về củng cố, hoàn thiện và phát triển QTDND và Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 135/2000/QĐ-TTg phê duyệt Đề án củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND, tạo ra phương hướng, chiến lược nhằm tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động giúp QTDND phát triển an toàn, bền vững. Một bước ngoặt trong hoạt động của hệ thống TCTD hợp tác là việc chuyển đổi QTDND Trung ương thành Ngân hàng Hợp tác xã (NH HTX) năm 2013. “Từ năm 2013, với mô hình hoạt động mới của hệ thống QTDND mà Ngân hàng Hợp tác xã là trung tâm, lấy tôn chỉ tương trợ phát triển sản xuất khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn, kinh tế hợp tác làm hàng đầu đang góp phần tích cực cho sự phát triển của hệ thống QTDND cả về số lượng và quy mô hoạt động”.

2. Thực trạng hoạt động

* *Số lượng QTDND và số thành viên tham gia QTDND được tổng hợp tại bảng 1.*

Số liệu cho thấy sau 25 năm hoạt động, đến cuối năm 2018 hệ thống QTDND đạt 1.183 quỹ (năm 1994 là 151 quỹ). Hệ thống QTDND đã thu hút gần 1,6 triệu thành viên hoạt động tại 57 tỉnh,

Bảng 1. Số lượng quỹ và số thành viên tham gia QTDND

	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng QTDND	1.145	1.146	1.148	1.166	1.182	1.183
Số lượng thành viên tham gia QTDND	1.783.271	1.967.755	2.081.413	1.937.973	1.658.273	1.590.963
<i>Số lượng thành viên trung bình/Quỹ</i>	1.557	1.717	1.813	1.662	1.403	1.335

Nguồn: Tập hợp từ các báo cáo của NH HTX Việt Nam và NHNN Việt Nam.

* Học viện Tài chính

thành phố trên cả nước, tại 2.831 xã, phường, thị trấn. Điều này chứng tỏ người dân đã thấy lợi ích thiết thực do QTDND mang lại, bên cạnh những đặc điểm ưu việt của loại hình TCTD này như việc không phân biệt tuổi tác, địa vị xã hội, giới tính, không phân biệt góp vốn nhiều hay ít của các thành viên tham gia trong khi lại có quyền ngang nhau trong quản trị, kiểm soát, điều hành; hệ thống QTDND đã tạo được vị thế khá vững chắc trên thị trường tiền tệ, tín dụng, góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo, hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, nếu xem xét chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng số lượng thành viên qua các năm thì thấy có những tín hiệu không tốt. Cụ thể tốc độ tăng trưởng số lượng thành viên tham gia vào hệ thống QTDND từ năm 2014-2018 so với năm trước liền kề lần lượt là 10,34%; 5,78%; -6,89%; -14,43%; -4%. Điều đó chứng tỏ trong 2 năm 2016-2018 một lượng lớn các thành viên đã rút ra khỏi quỹ, trong khi số lượng các quỹ vẫn có tốc độ tăng trưởng dương, dẫn đến lượng thành viên trung bình/quỹ giảm đáng kể, năm 2016 còn 1.662 thành viên/quỹ và năm 2018 chỉ còn là 1.335 thành viên/quỹ.

Một trong những nguyên nhân đó là do tác động của Thông tư số 04/2015/NHNN ngày 31/3/2015 quy định về Quỹ tín dụng nhân dân. Theo đó, NHNN Việt Nam đã đưa ra những quy định chặt chẽ hơn trước khiến nhiều QTDND gặp khó khăn trong việc thực hiện. Trong đó, có quy định về điều kiện trở thành thành viên (Điều 31, TT 04): “quy định thành viên phải có hộ khẩu thường trú trên địa bàn”; hoặc “Quy định về mức vốn góp xác lập tư cách thành viên và mức vốn góp thường niên của QTDND” (Điều 28, TT 04) - mức vốn góp xác lập tư cách thành viên 300.000 đồng và mỗi năm phải duy trì vốn góp thường niên thêm 100.000 đồng. Trên thực tế việc triển khai thực tế phát sinh khó khăn vì thành viên có người đã di chuyển khỏi địa phương, không muốn tiếp tục tham gia; thành viên ảo, thành viên không có khả năng duy trì việc đóng góp vì hiện nay các QTDND hoạt động chủ yếu trong vùng nông nghiệp, nông thôn.

* Nguồn vốn hoạt động

Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, hoạt động huy động vốn của QTDND thông qua các hình thức: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, tổ chức, cá nhân khác bằng VND; tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND tối thiểu bằng 50% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND; vay vốn điều hòa theo quy chế do Ngân hàng HTX Việt Nam ban hành theo quy định của pháp luật; vay vốn của TCTD khác (trừ QTDND khác), tổ chức tài chính khác; vay vốn từ NH HTX Việt Nam; tiếp nhận vốn ủy thác cho vay của Chính phủ, tổ chức và cá nhân trong nước.

Bảng 2. Quy mô và cơ cấu nguồn vốn của hệ thống QTDND

Đơn vị: Tỷ đồng

	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng nguồn vốn	54.974,9	66.702	77.645	90.111	102.584	112.500
1. Vốn điều lệ	2.272,8	2.677,6	3.101,9	3.502,3	3.953	N/A
2. Nguồn vốn huy động	49.311,5	60.351,2	70.310,5	81.686,6	93.123	N/A
3. Nguồn vốn/Quỹ	48,01	52,20	67,64	77,28	86,79	95,1

Nguồn: Tập hợp từ các báo cáo của NH HTX Việt Nam và NHNN Việt Nam.

Tổng nguồn vốn của toàn hệ thống QTDND đến cuối năm 2018 đạt 112.500 tỷ đồng, gấp 2 lần so với năm 2013. Quy mô nguồn vốn bình quân/quỹ có sự tăng trưởng rõ rệt, từ 48,1 tỷ đồng/quỹ vào năm 2013 tăng lên 86,79 tỷ đồng/quỹ vào năm 2017. Điều này cho thấy hệ thống QTDND bên cạnh việc thu hút các thành viên tham gia quỹ thì đã thu hút được lượng khách hàng không phải là thành viên gửi tiền vào quỹ. Đây là nền tảng để hệ thống QTDND mở rộng và phát triển hoạt động cho vay đối với thành viên và khách hàng. Quy mô các loại vốn bình quân/QTDND có tốc độ tăng trưởng khá lớn, nguồn vốn của mỗi QTDND ngày càng lớn, trong đó tỷ trọng nguồn vốn huy động trong dân chiếm phần lớn thì khả năng phát triển càng cao. Trong tổng nguồn vốn hoạt động của hệ thống QTDND thì nguồn vốn huy động dao động từ 90% - 91%.

Hiện nay, theo quy định QTDND có quy mô tổng tài sản từ 50 tỷ đồng trở lên thì Báo cáo tài chính của Quỹ phải được thực hiện kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập. Như vậy, có thể thấy khi hệ thống QTDND mở rộng, tăng trưởng nguồn vốn hoạt động thì yêu cầu về thông tin tài chính, kế toán trở nên minh bạch hơn. Bên cạnh

đó, qua hoạt động tư vấn của các đơn vị kiểm toán sẽ hỗ trợ rất nhiều cho các Quỹ, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động, đặc biệt trong công tác quản trị, kiểm soát nội bộ đối với loại hình Hợp tác xã đặc thù này.

* Về hoạt động cho vay

Hình thức sử dụng vốn chủ yếu của QTDND là cho vay đối với các thành viên.

Bảng 3. Tình hình hoạt động cho vay của hệ thống QTDND

Đơn vị: Tỷ đồng

	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Dư nợ cho vay	44.886,7	52.375,6	60.740,7	70.318	81.041	89.050
Dư nợ CV/Quỹ	39,202	45,703	52,91	60,307	68,56	75,27
Tỷ lệ nợ xấu	0,76%	0,86%	0,97%	1,1%	0,91%	0,93%

Nguồn: Tập hợp từ các báo cáo của NH HTX Việt Nam và NHNN Việt Nam.

Tỷ trọng dư nợ cho vay của hệ thống QTDND chiếm từ trên 78% đến xấp xỉ 82% tổng tài sản. Đây là hình thức sử dụng vốn đem lại thu nhập chủ yếu cho QTDND. Diễn biến dư nợ cho vay của hệ thống QTDND tăng đều qua các năm. Giai đoạn nghiên cứu cũng là giai đoạn củng cố, chấn chỉnh, hoạt động của các QTDND. Với lợi thế là hoạt động trên địa bàn gần dân cư, hiểu rõ về khách hàng (là thành viên của quỹ), thủ tục cho vay nhanh chóng, đơn giản đã thu hút được lượng khách hàng. Hệ thống QTDND đã chú trọng đến việc tăng quy mô hoạt động. Tốc độ tăng trưởng dư nợ toàn hệ thống cao và khá đều trong mỗi năm.

Với tốc độ tăng trưởng này, đưa qui mô dư nợ cho vay trung bình/quỹ từ 39,2 tỷ đồng năm 2013 lên 75,27 tỷ đồng năm 2018. Tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống duy trì ở mức thấp hơn so với trung bình toàn hệ thống TCTD. Điều này cho thấy nhu cầu vay vốn của thành viên ngày càng được các QTDND đáp ứng mức cao hơn, phù hợp với nhóm đối tượng khách hàng ở vùng nông thôn, khách hàng thu nhập thấp.

* Các hoạt động khác

Bên cạnh hình thức sử dụng vốn để cho vay, các QTDND thực hiện gửi tiền tại NH HTX Việt Nam và tại các TCTD. Các QTDND không phải duy trì tiền gửi dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam như các NHTM. Tuy nhiên, QTDND thực hiện gửi tiền tại NH HTX Việt Nam để điều hòa vốn trong toàn hệ thống, trong trường hợp QTDND thiếu thanh khoản có thể vay vốn điều hòa từ NH HTX Việt Nam. Bên cạnh đó, tiền gửi

của các QTDND gửi tại các TCTD khác (chủ yếu là tại NHTM) gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn. Trong đó, chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn ngắn thông qua ký kết hợp đồng tiền gửi. Hình thức này góp phần đa dạng hóa phương thức sử dụng vốn, đa dạng danh mục tài sản đồng thời tăng tính thanh khoản cho danh mục tài sản. Bên cạnh đó, hiện nay, toàn hệ thống QTDND đã triển khai thí điểm dịch vụ chuyển tiền. QTDND được thực hiện dịch vụ thanh toán chuyển tiền cho thành viên và khách hàng khi được NHNN cho phép. Tính đến nay NHHTX đã đào tạo chuyển giao và kết nạp 438 QTDND thành viên tham gia kết nối thanh toán. Hiện tại mạng lưới thanh toán của hệ thống có 533 điểm gồm 32 chi nhánh, 63 phòng giao dịch và 438 QTDND.

* Về hiệu quả hoạt động

Theo số liệu báo cáo từ Ngân hàng Nhà nước: giai đoạn 2013-2018, QTDND là loại hình có tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu duy trì và đạt mức cao so với các loại hình TCTD khác. Đứng thứ hai trong toàn hệ thống các TCTD (chỉ sau hệ thống các công ty tài chính).

3. Một số đánh giá và vấn đề quan tâm

Nhìn chung hệ thống QTDND trong thời gian qua không ngừng được tăng cường, củng cố, chấn chỉnh, về cơ bản hoạt động lành mạnh, hiệu quả. Hệ thống QTDND đã khẳng định được vai trò lớn của mình trong quá trình phát triển kinh tế hợp tác, tạo được một kênh tín dụng thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn. Qua đó cũng tăng khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho các đối tượng nghèo, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống, thu nhập của người dân, xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt góp phần giảm nạn cho vay nặng lãi, ổn định chính trị, an ninh xã hội trên địa bàn nông thôn.

Không thể phủ nhận vai trò và những kết quả đáng ghi nhận trong phát triển hệ thống QTDND ở Việt Nam thời gian qua. Tuy nhiên, một số vấn đề đáng lưu tâm hiện nay đó là:

- Số lượng thành viên tham gia trung bình/quỹ có sự sụt giảm đáng kể từ năm 2015 đến nay.

- Một số QTDND theo đuổi mục tiêu lợi nhuận, xa rời tôn chỉ mục đích liên kết, tương trợ

giữa các thành viên, chạy theo lợi nhuận của loại hình TCTD hợp tác, ý thức xây dựng và phát triển QTDND của thành viên chưa tốt. Trước những rủi ro yếu kém của một số QTDND, NHNN cuối năm 2018 đã ngừng cấp phép mới QTDND, ban hành chỉ thị để tăng cường an ninh an toàn hoạt động tại các quỹ và khẩn trương xử lý các tồn tại ở các quỹ yếu kém.

- Quy mô vốn chủ sở hữu thấp, thị phần hoạt động quá nhỏ bé, công tác kiểm tra kiểm soát còn lỏng lẻo, một số quỹ vi phạm quy chế hoạt động ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin người dân.

- Nhiều địa bàn vùng sâu vùng xa vẫn chưa có QTDND được thành lập.

- Sức cạnh tranh yếu với các NHTM ở gần/cùng địa bàn hoạt động.

4. Yêu cầu và giải pháp phát triển

Hiện nay, tình trạng cho vay nặng lãi ở nước ta đang trở thành vấn đề nhức nhối. Bên cạnh đó, nhu cầu tín dụng để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngày càng tăng. Do vậy, việc phát triển hệ thống QTDND là vô cùng cần thiết. Một số giải pháp thực hiện đó là:

* Đối với NHNN Việt Nam

- Hoàn thiện hành lang pháp lý: NHNN tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức và hoạt động hiện hành cho phù hợp với thực tế đòi hỏi và xu hướng phát triển của hệ thống như: Quy định về phát triển thành viên (quy định thành viên của loại hình QTDND ngành nghề, mức vốn góp,...); mở rộng địa bàn hoạt động phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng phục vụ thành viên (theo khả năng quản trị và năng lực tài chính,...); quy định về hoạt động tín dụng, quản trị rủi ro;...

- Nghiên cứu và hoàn thiện khuôn khổ thể chế: Do quy mô và năng lực quản trị của QTDND rất nhỏ, lại có mặt ở nhiều xã phường trên cả nước nên thực tế hoạt động sẽ có QTDND rơi vào tình trạng phá sản, vì vậy NHNN cần xây dựng quy định về phá sản QTDND đảm bảo khi QTDND đó phá sản, việc xử lý hạn chế tối đa biến động, giữ được ổn định tình hình kinh tế, chính trị - xã hội địa phương.

- Tăng cường thanh tra, giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời những tồn tại, yếu kém của các QTDND: Tiếp tục chỉ đạo giám sát các QTDND triển khai thực hiện Phương án cơ cấu lại (trọng

tâm là hướng về thành viên, kiểm soát chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu, tăng vốn điều lệ, thu hẹp phạm vi hoạt động, hoàn thiện cơ cấu quản trị, điều hành, Ban kiểm soát).

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giám sát từ xa trong việc phân tích, đánh giá để phát hiện và cảnh báo sớm các rủi ro, yếu kém, vi phạm pháp luật trong hoạt động của từng QTDND cũng như hệ thống QTDND; đồng thời xác định trọng tâm và trọng điểm cho công tác thanh tra tại chỗ; tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ QTDND, nhất là tập huấn các văn bản nghiệp vụ mới ban hành; tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm công tác để các QTDND có thể học hỏi từ QTDND làm tốt và rút kinh nghiệm từ QTDND yếu kém.

- Tập trung xử lý quyết liệt những quỹ yếu kém, cơ cấu lại hoạt động hệ thống QTDND; tăng cường hỗ trợ công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân sự làm việc tại các QTDND.

* **Đối với hệ thống QTDND:** Các quỹ phải thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, hoạt động vì lợi ích của các thành viên, đặt lợi ích của thành viên lên hàng đầu; đội ngũ lãnh đạo cao cấp, nhân viên của QTDND có tâm huyết nghề nghiệp, kiến thức, đạo đức nghề nghiệp; có cơ chế chính sách hoạt động bài bản như marketing tốt, quy chế quản lý tín dụng chặt chẽ, xây dựng được đội ngũ cộng tác viên tham gia hoạt động cho vay và thu hồi vốn hiệu quả,...

* **Đối với Hiệp hội QTDND:** Tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò là tổ chức kết nối và hỗ trợ cho các hội viên, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các hội viên, làm cầu nối giữa các hội viên với các cơ quan quản lý Nhà nước; tập trung đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo kiến thức cơ bản về nghiệp vụ QTDND, các kiến thức chuyên sâu về kỹ năng lãnh đạo, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, thẩm định tín dụng, marketing, kiến thức cơ bản chiến lược phát triển của một tổ chức,...

Tài liệu tham khảo:

PGS.TS. Đinh Xuân Hạng, TS. Trần Thị Lan - "Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam" - Đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2018.

Các báo cáo của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và Hiệp hội QTDND.

Đức Nghiêm "Quy tín dụng nhân dân góp phần giảm nạn cho vay nặng lãi" bài viết đăng trên thời báo Ngân hàng tháng 3/2018.